

**PHÁT HUY TRUYỀN THÔNG ĐOÀN KẾT, PHÁT TRIỂN NHANH,
TOÀN DIỆN VÀ BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**



(Tài liệu truyền thông đồng bào dân tộc,
tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Năm 2013

**PHÁT HUY TRUYỀN THÔNG ĐOÀN KẾT,
PHÁT TRIỂN NHANH, TOÀN DIỆN VÀ BỀN VỮNG
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

(Tài liệu tuyên truyền trong đồng bào dân tộc,
tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long)



I. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đồng bằng sông Cửu Long hay còn gọi là Tây Nam Bộ gồm 13 tỉnh, thành phố là: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang và thành phố Cần Thơ.

Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, đối ngoại; có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế.



Trung tâm Khí - điện - đàm Cà Mau

1. Lịch sử hình thành và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long trải qua nhiều giai đoạn.

- Từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VII, đồng bằng sông Cửu Long thuộc Vương quốc Phù Nam, một quốc gia ven biển, có truyền thống hàng hải và thương nghiệp. Trong thời kỳ Phù Nam cường thịnh, nhiều nước nhỏ thần phục Phù Nam với tư cách là những thuộc quốc hoặc chư hầu, trong đó có Chân Lạp.

- Từ đầu thế kỷ thứ VII, đồng bằng sông Cửu Long thuộc Chân Lạp, một quốc gia nằm ở vùng trung lưu sông Mê Công, gần Biển Hồ, sinh sống chính bằng nghề nông. Vào đầu thế kỷ VIII, khoảng sau năm 627, nhân lúc Phù Nam suy yếu, nước Chân Lạp đã đánh chiếm và tiêu diệt Phù Nam. Trong lịch sử, Chân Lạp luôn

đồn sức phát triển vùng Biển Hồ và hướng nỗ lực phát triển sang phía Tây. Bởi vậy, trên vùng đồng bằng sông Cửu Long chưa thực sự có sự quân lỵ về mặt hành chính của Nhà nước Chân Lạp; văn hóa Khmer cổ chưa phát triển.

- Từ thế kỷ XVII cho đến nay, vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành một bộ phận của nước Việt Nam. Từ rất sớm, người Việt đã đến đây khai khẩn đất hoang và làm ăn sinh sống. Quan hệ hữu hảo giữa Nhà Nguyễn và triều đình Chân Lạp tạo điều kiện để người Việt đến định cư tại đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1698 nhà Nguyễn đã thành lập phủ Gia Định, xác lập chủ quyền trên thực tế của vương triều Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ. Từ thế kỷ XVII, triều đình Việt Nam liên tục quân lỵ vùng đồng bằng sông Cửu Long, quan tâm khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội, mở mang các đình điện, đồn điền, xây dựng các công trình thủy lợi...; bảo vệ vùng lãnh thổ trước sự xâm lược của Xiêm; kiên quyết đấu tranh chống thực dân Pháp, để quốc Mỹ, giành lại và bảo vệ vùng chắc nền độc lập và lãnh thổ của Tổ quốc.

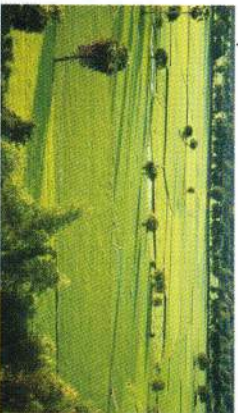
Như vậy, lịch sử vùng đất Nam Bộ đến nay trải qua ba giai đoạn: Phủ Nam, Chân Lạp, Việt Nam. Điều quan trọng là người Kinh đến và tham gia khai phá vùng đất này không bằng vũ lực và chiến tranh mà bằng con đường hòa bình, hợp tác với các dân tộc khác. Người Kinh khai phá, mở đất đến đâu đều thành lập cộng đồng xã hội, thiết lập nền hành chính, quản lý đến đó, qua đó khẳng định chủ quyền trên vùng đất mới.

2. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có nhiều dân tộc sinh sống. Giữa các dân tộc có truyền thống đoàn kết, cùng nhau xây dựng, bảo vệ và phát triển.

Chăm...
- Các dân tộc chủ yếu trên vùng đất Tây Nam Bộ là: Kinh, Khmer, Hoa,

- Cộng đồng dân cư ở đồng bằng sông Cửu Long có nguồn gốc rất đa dạng: các dân tộc có dân số, sự phát triển không đều nhau, sống xen kẽ với nhau, có ngôn ngữ và văn hóa riêng, góp phần làm phong phú, đa dạng và đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

- Dân tộc Kinh hiện nay có khoảng gần 17 triệu người, chiếm khoảng 92% dân số, phân bố đều khắp trong tất cả các tỉnh, thành ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Theo lịch sử, một số ít người Kinh có mặt ở vùng Nam Bộ từ trước thế kỷ XVI. Từ thế kỷ XVII, XVIII nhiều người từ phía Bắc di cư vào đồng bằng sông Cửu Long khai phá đất hoang, sinh cơ lập nghiệp, sống hòa bình, đoàn kết, hữu nghị với các cộng đồng dân cư khác và là bộ phận cư dân chủ đạo trong công cuộc chinh phục vùng đất này.



- Dân tộc Khmer hiện nay có khoảng 1,3 triệu người. Dân tộc Khmer có mặt từ lâu và sống rải rác trên các "giống" và vùng đất cao. Sau khi Chân Lạp chiếm Phú Nam, số dân Phú Nam ở lại qua quá trình Khmer hóa, trở thành dân bản địa, sống tại một số khu vực. Một số người Khmer từ các vùng thuộc trung lưu sông Mê Công theo sông về vùng Nam Bộ còn hoang vu sinh sống.

- Dân tộc Hoa hiện nay có trên 192.000 người. Ngoài một số ít người Hoa có mặt từ trước, vào nửa sau thế kỷ XVII có những đợt di dân lớn từ miền Nam Trung Quốc đến Nam Bộ, nhất là các đợt di dân sau khi người Mãn Thanh đánh đổ Nhà Minh, lập nên triều Thanh ở Trung Quốc.

- Dân tộc Chăm hiện nay có gần 15.000 người. Đầu thế kỷ XIX, Triều đình Nhà Nguyễn để những người Chăm di cư, đang sống rải rác trong vùng đến định cư tại vùng An Giang hiện còn nhiều đất hoang. Hiện nay, người Chăm sinh sống chủ yếu ở tỉnh An Giang và rải rác ở một số tỉnh, thành vùng Tây Nam Bộ.

- Ngoài các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm, trong vùng đồng bằng sông Cửu Long còn có các dân tộc có số lượng ít, như: Tày, Nùng, Ngái, Mông, Stiêng, Mường, Chơ ro, Chơ mạ, K'ho là dân bản địa hoặc di cư đến trong các thời gian khác nhau.

Có thể nói, có được vùng đồng bằng sông Cửu Long như ngày nay là nhờ công lao đóng góp của nhiều dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm..., trong đó người Kinh giữ vai trò chính.

3. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tôn giáo. Các tôn giáo tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, hòa hợp, xây dựng cuộc sống mới



Dua ghe Ngo

- Trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long hiện có nhiều tôn giáo. Các tôn giáo có số lượng tín đồ nhiều là Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo. Hồi giáo... Các tín đồ tôn giáo cùng chung sống, sinh hoạt trên một địa bàn, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

- **Phật giáo** có khoảng 3.250.000 tín đồ, là tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất, bao gồm cả Phật giáo Việt, Phật giáo Hoa, Phật giáo Nam tông Khmer. Hiện nay Phật giáo có 2.682 cơ sở thờ tự, 141 hòa thượng, 342 thượng tọa, 4.249 đại đức, 10.477 tăng, 2.857 ni... Đường hướng, tôn chỉ, mục đích của Phật giáo là "Đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

- **Công giáo** có 715.054 tín đồ, trong đó có 2.853 tín đồ là người dân tộc Khmer. Hiện nay Công giáo trong vùng có 4 giáo phận, 4 tòa Giám mục (Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long Xuyên), 598 cơ sở thờ tự, 1.283 tu sĩ, 695 linh mục. Đường hướng hành đạo của Công giáo là "Sống phúc âm giữa lòng dân tộc".

- **Tin Lành** (gồm Tin Lành Việt Nam và các hệ phái được công nhận), hiện nay có 76.433 tín đồ, với 97 cơ sở thờ tự, 253 điểm nhóm, 136 mục sư, trong đó có 2.740 tín đồ là người dân tộc Khmer. Đường hướng hành đạo chung của Tin Lành là "Sống phúc âm, phụng sự Thiên chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc".

- **Cao Đài**, trong vùng có 402.137 tín đồ, với 672 cơ sở thờ tự, 940 tu sĩ, 7.567 chức sắc, 10.926 chức việc, gồm các hệ phái Cao đài (Ây Ninh, Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Chơn Lý, Ban Chính Đạo, Thượng Đế, Bạch Y...). Đường hướng hành đạo của các hệ phái Cao Đài là "Nước vinh, Đạo sáng".

- **Phật giáo Hòa Hảo** hiện có 1.148.314 tín đồ, với 64 cơ sở thờ tự, 2.197 chức việc. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo tập trung nhiều nhất ở tỉnh An Giang với số lượng 679.167 người. Đường hướng hành đạo của Phật giáo Hòa Hảo là "Vi Đạo pháp, vi Dân tộc".

- Ngoài các tôn giáo nêu trên, hiện nay trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long còn có một số tôn giáo khác, như Tịnh độ Cư sĩ, Hồi giáo, Nam tông Minh sư đạo, Tứ ần Hiếu nghĩa, Bửu sơn Kỳ hương, Baha'i...; các *tin ngưỡng dân gian* với trên 1.196 cơ sở tín ngưỡng dân gian, như: đình, miếu, đền, hội quán, phủ thờ; trong đó có nhiều cơ sở được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia.



Đường cao tốc Chng Đệm Trung Lương

- Tình hình tôn giáo vùng đồng bằng sông Cửu Long khá ổn định, nhìn chung các tổ chức tôn giáo đều thực hiện đúng theo Hiến chương, Điều lệ của Giáo hội và pháp luật của Nhà nước; đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ. Ở đồng bằng sông Cửu Long cũng như trong cả nước Việt Nam, không có xung đột tôn giáo. Trong lịch sử đã có lúc chính quyền thực dân, đế quốc và các lực lượng chính trị phản động có âm mưu lợi dụng tôn giáo, chia rẽ các tôn giáo ở Việt Nam, nhưng chúng đã thất bại.

II. CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

1. Cơ sở pháp lý về chủ quyền của Việt Nam trên vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Tháng 12/1845 giữa ba nước Việt Nam, Xiêm (Thái Lan) và Miên (Campuchia) đã ký một hiệp ước. Trong Hiệp ước này đã thừa nhận 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc Việt Nam. Năm sau, Triều Nguyễn và Xiêm ký một hiệp ước có nhắc lại điều đó. Hiệp ước này sau đó Cao Miên cũng tham gia.

- Từ khi Pháp tấn công xâm lược Việt Nam, Triều đình Việt Nam đã tổ chức kháng chiến và ký kết các hòa ước nhường các tỉnh miền Đông và miền Tây cho thực dân Pháp.

- Sau khi Nam Bộ của Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, Chính quyền thực dân Pháp đã ký một loạt các văn bản pháp lý về hoạch định, phân giới cắm mốc biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia.

- Tháng 6/1949, Tổng thống Pháp lúc đó là Vincent Auriol đã ký Bộ luật số 49-733 trả lại Nam Kỳ cho "Quốc gia Việt Nam", đại diện là Bảo Đại. Mặc dù đây là việc làm phục vụ cho mục đích chính trị của Pháp, nhưng là văn bản pháp lý chính thức của Nhà nước Pháp và phù hợp với thực tế lịch sử.

- Các hiệp định: Hiệp định Geneve (7-1954) về Đông Dương và Hiệp định Paris về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (01-1973) được ký kết, đã mặc nhiên thừa nhận chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ.

- Sau khi chính quyền Khmer đỏ ở Campuchia bị lật đổ, nước Cộng hòa nhân dân Campuchia được thành lập, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Campuchia đã ký nhiều hiệp ước về biên giới, lãnh thổ. Ngày 10-10-2005, Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia được ký kết.

- Từ năm 2006 đến nay, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia đã tiến hành khởi công xây dựng cột mốc biên giới, xây dựng đường biên giới ổn định, hòa bình và hữu nghị. Đến tháng 11-2011 hai bên đã xác định được hơn 60% mốc giới trên bộ giữa hai nước.

đồng bằng sông Cửu Long



2. Sự khẳng định của Nhà nước Việt Nam về chủ quyền của Việt Nam với vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Ngay sau khi được thành lập tháng 9-1945, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã khẳng định chủ quyền vùng đất Nam Bộ, bộ phận lãnh thổ không thể tách rời của toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.
- Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 31/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”.
- Tháng 7/1946 tại Paris, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố “Nam Bộ là đất Việt Nam. Nó là thịt của thịt chúng tôi, là máu của máu chúng tôi... Trước khi đảo Coocse (Corse) trở thành đất của Pháp thì Nam Bộ đã là đất của Việt Nam”.
- Trong những năm chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, cách mạng Việt Nam và cách mạng Campuchia có sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau. Thắng lợi to lớn ở Campuchia và Việt Nam tháng 4 năm 1975 có sự đóng góp của sự đoàn kết quốc tế giữa lực lượng cách mạng và nhân dân hai nước.
- Những năm 1975-1979, Quân đội và nhân dân Việt Nam vùng biên giới đã đánh trả địch đánh kẻ xâm lược, bảo vệ vững chắc biên giới, lãnh thổ của Tổ quốc.
- Sự giúp đỡ của Việt Nam với lực lượng cách mạng Campuchia, lật đổ chính quyền Khmer đỏ, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, giúp Campuchia hồi sinh và xây dựng cuộc sống mới được nhân dân Campuchia nhớ đến như “đội quân nhà Phật”. Năm 1989, theo thỏa thuận giữa hai nước, quân đội và chuyên gia Việt Nam đã rút hết về nước.
- Mọi công dân Việt Nam ở vùng đất Nam Bộ, không phân biệt người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm... đều khẳng định là công dân bình đẳng của nước Việt Nam thống nhất, đã và đang ra sức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp.

III. VỀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2001-2010

1. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đến sự phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long những năm qua.

- Xác định rõ vị trí, vai trò quan trọng, tiềm năng và yêu cầu phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long, những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng về phát triển vùng.
- Ngày 20/01/2003 Bộ Chính trị khóa IX ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010 (gọi tắt là Nghị quyết 21).
 - Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị trong 10 năm qua, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thủ tướng Chính phủ đã cụ thể hóa và ban hành nhiều văn bản để thực hiện Nghị quyết. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 14/2003/CT-TTg về “Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010”.



Cá về trên Cảng Tắc Cậu - Kiên Giang

- Các tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân các địa phương đã cụ thể hóa, xây dựng chương trình hành động từng năm và cả nhiệm kỳ.
- Các ban, bộ, ngành trung ương xây dựng các chương trình, đề án, dự án thuộc ngành, lĩnh vực để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và các quyết định, chỉ thị của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ.
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 21 và các văn bản có liên quan.

2. Những kết quả chủ yếu thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX ở vùng đồng bằng sông Cửu Long những năm qua.

- ##### 2.1. Về phát triển kinh tế
- Trong 10 năm thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW của Bộ Chính trị (2001-2010), kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long có những chuyển biến rõ rệt và đạt được những thành tựu khá toàn diện. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân tăng khá,

đạt 11,7%/năm. Giá trị tổng sản phẩm sản xuất năm 2010 tăng gấp 3,5 lần so năm 2001, tăng bình quân 11,58%/năm. Thu nhập bình quân đầu người/năm tăng gấp 2,5 lần so với 2001; thu hẹp đáng kể khoảng cách giữa thu nhập bình quân trong vùng so với cả nước.

- **Lĩnh vực nông nghiệp** có sự chuyển biến rõ rệt, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, tăng vụ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; sử dụng nhiều loại cây, con giống mới cho năng suất và chất lượng cao.

- **Lĩnh vực công nghiệp** có nhiều thay đổi về quy mô và chất lượng sản xuất; giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15,61%/năm. Được Trung ương tập trung đầu tư xây dựng, công nghiệp chế biến phát triển mạnh. Một số ngành công nghiệp then chốt như khí, điện, đạm, hóa chất... đang hình thành, điển hình như Trung tâm Khí - đạm Cà Mau, Trung tâm nhiệt điện Ô Môn (Cần Thơ), Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (Trà Vinh), Nhà máy nhiệt điện Long Phú (Sóc Trăng), Trung tâm nhiệt điện Sông Hậu (Hậu Giang), đường ống dẫn khí đốt Lô B - Ô Môn...

- **Thương mại, dịch vụ** diễn ra sôi động và phát triển khá nhanh, phân phối, cung ứng hàng hóa cho nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân. Tổng mức bán lẻ tăng bình quân 21,8%/năm. Hoạt động xuất khẩu được mở rộng ra nhiều thị trường. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn (2001-2005) tăng bình quân 17,8%/năm, đạt bình quân 4,6 tỷ USD/năm.

- **Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có bước đột phá, bước đầu đáp ứng cho việc thu hút đầu tư phát triển của các thành phần kinh tế; làm thay đổi nhanh diện mạo nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.** Kết cấu hạ tầng giao thông gắn kết với thủy lợi cơ bản đã được hình thành. Cơ bản hoàn thành mục tiêu xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ...

2.2. Về phát triển văn hóa - xã hội



Hội diễn văn nghệ Khmer

- Tỷ lệ hộ nghèo toàn vùng (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010) giảm từ 14,18% cuối năm 2001 xuống còn 7,32% năm 2010.

- **Hoạt động văn hóa - xã hội** được tổ chức với nhiều hình thức, nội dung phong phú, thiết thực, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

- **Các hoạt động thể dục thể thao, báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình** đã được đầu tư phát triển, nội dung phong phú, chất lượng được nâng cao hơn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin và giải trí của nhân dân.

- **Giáo dục và đào tạo**, dạy nghề có nhiều tiến bộ, nhất là trong đồng bào Khmer, Chăm. Đến cuối năm 2010, có 98,9% số xã, phường đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Các tỉnh có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống đều có trường dân tộc nội trú. Mạng lưới cơ sở dạy nghề có bước phát triển nhanh, đặc biệt là mạng lưới trung tâm dạy nghề cấp huyện. Đã thành lập mới và mở rộng, nâng cấp nhiều trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp...



Cập nhật hóa công nghệ thông tin cho sư sãi Khmer

- Mạng lưới y tế trong vùng được tăng cường và mở rộng, đến năm 2010 tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ phục vụ đạt 71%, đạt tỷ lệ 5,7 bác sĩ/vạn dân. Cơ sở vật chất các bệnh viện tỉnh, huyện, trạm y tế xã được quan tâm đầu tư xây dựng, tăng cường năng lực và cán bộ y tế, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân.

2.3. Đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh - quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

- Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân luôn được giữ vững và củng cố.

- Xúc tiến kịp thời những vấn đề nhạy cảm liên quan đến dân tộc, tôn giáo theo đúng chính sách và pháp luật; tăng cường đảm bảo an ninh nội địa và trên tuyến

biên giới, biển, đảo.

- Các tỉnh biên giới đã chủ động phối hợp tốt với các tỉnh của Campuchia bảo đảm an ninh biên giới, giữ vững chủ quyền, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và xây dựng biên giới giữa hai nước là biên giới hòa bình, hữu nghị.

2.4. Về xây dựng Đảng, kiện toàn hệ thống chính trị

- Cấp ủy các địa phương trong vùng thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng. Đến cuối năm 2010, toàn vùng có 8.492 tổ chức cơ sở đảng với 409.884 đảng viên; trong đó có 14.267 đảng viên là người dân tộc thiểu số, 29.234 đảng viên là tin đồ các tôn giáo...

- Bộ máy chính quyền được kiện toàn, từng bước chuẩn hóa cán bộ theo quy định của Chính phủ.

- Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đạt nhiều kết quả thiết thực. Nhiều gương điển hình học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, trong đó có các chức sắc tôn giáo, được Chính phủ tuyên dương, khen thưởng.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị đã tích cực củng cố tổ chức, thu hút ngày càng đông hội viên, đoàn viên; từng bước đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, gần dân, sát dân hơn, chất lượng ngày càng được nâng lên.



Địa Bến Tre

3. Về kết quả thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo

- Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản về chính sách dân tộc, tôn giáo chung cho cả nước; trong đó, có một số văn bản tác động trực tiếp đến các dân tộc, tôn giáo trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long.

- Việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua đã có những kết quả cụ thể:

+ Thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II, Nhà nước đã đầu tư, hỗ trợ 1.470,76 tỷ đồng.

+ Thực hiện Quyết định 134 về hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, Nhà nước đã

đầu tư, hỗ trợ 740,958 tỷ đồng.

+ Thực hiện Quyết định số 167 về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo là dân tộc thiểu số, trên địa bàn, Nhà nước đã hỗ trợ xây dựng được 21.225 căn nhà.

+ Thực hiện Quyết định 74 về hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn giai đoạn 2008-2010, Nhà nước đã hỗ trợ cho 72.742 hộ, với tổng nhu cầu vốn là 1.629,928 tỷ đồng.

+ Thực hiện Quyết định 32 và Quyết định 126 về hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn vay vốn phát triển sản xuất, từ năm 2008 đến 2010, Trung ương đã bố trí 120,260 tỷ đồng, các địa phương đã giải ngân được 117,779 tỷ đồng cho 24.362 hộ vay vốn để phát triển sản xuất.

+ Thực hiện Quyết định 33 và Quyết định 134 về hỗ trợ đồng bào định canh, định cư, đã giải ngân được 47,876 tỷ đồng, hỗ trợ cho 1.207 hộ định canh, định cư trên địa bàn.



Đồng bào Khmer chăn nuôi bò

+ Thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc, đến năm 2009 các tỉnh đã chi 79,343 tỷ đồng để hỗ trợ cho 203.210 hộ nghèo.

+ Về y tế, các tỉnh đã chi 637,195 tỷ đồng để miễn giảm chi phí khám, điều trị và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 14.270.706 lượt người nghèo; trong đó, có trên 10 triệu lượt người dân tộc thiểu số.

+ Thực hiện Quyết định 975, đã có 25 đầu báo và tạp chí được cấp không thu tiền cho các xã, thôn, ấp đặc biệt khó khăn.

+ Về giáo dục và đào tạo, đã thực hiện một số chính sách đối với con em đồng bào dân tộc thiểu số, như chính sách miễn giảm học phí, dạy chữ dân tộc tại các cơ sở giáo dục quốc dân, dân lập, xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú; chính sách cử tuyển và chính sách dự bị đại học...

- Công tác đối với tôn giáo được các cấp, các ngành thực hiện khá tốt. Thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về Công tác tôn giáo và Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo, các tỉnh, thành trong vùng luôn quan tâm hướng dẫn, giúp đỡ và quản lý hoạt động tôn giáo của các cá nhân, tổ chức tôn giáo đúng quy định của pháp luật; đồng viên các tổ chức tôn giáo thực hiện đường hướng tiến bộ, tốt đời, đẹp đạo đã được xác định, tham gia tích cực vào công tác xã hội, nhất là từ thiện, nhân đạo.

Thực hiện chính sách tôn giáo trong đồng bào dân tộc thiểu số, các địa phương quan tâm giúp đỡ các tôn giáo hoạt động, tổ chức lễ hội, sinh hoạt theo luật đạo và pháp luật nhà nước. Đã hỗ trợ cho Phật giáo Nam tông Khmer và Hồi giáo Islam in kinh sách phục vụ việc tu học; hỗ trợ các cơ sở tôn giáo sửa chữa, xây dựng lại cơ sở thờ tự, nhất là các cơ sở đã có nhiều đóng góp cho cách mạng qua các thời kỳ; hỗ trợ xây dựng trường Bồ tức Văn hóa - Pali trung cấp Nam bộ tại Sóc Trăng, đồng ý xây dựng học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại thành phố Cần Thơ...



Chùa Khmer

4. Những hạn chế, khuyết điểm

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của vùng. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Thu nhập bình quân đầu người chưa đạt được mức bình quân chung cả nước.
- Giáo dục và đào tạo, dạy nghề, văn hóa, xã hội còn nhiều hạn chế, yếu kém so với một số vùng, miền khác. Chất lượng nguồn nhân lực và hệ thống hạ tầng giáo dục còn thấp.
- Hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao tuy đã có những chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu công tác tuyên truyền và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của đồng bào.

- Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân còn tồn đọng nhiều. Hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao; việc chấp hành pháp luật, kỷ cương chưa nghiêm. Trong quản lý và tạo điều kiện để nhân dân có hoạt động tôn giáo bình thường và ngăn chặn lợi dụng hoạt động tôn giáo của một số phần tử xấu còn nhiều hạn chế.

- Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan và ở cơ sở từng lúc, từng nơi còn hình thức.

5. Những bài học kinh nghiệm

Một là, nhận thức rõ, xác định đúng đắn tiềm năng, lợi thế để đề ra các giải pháp đúng đắn phù hợp, phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả vùng cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Hai là, lựa chọn đúng lĩnh vực trọng tâm, khâu đột phá, giải quyết các vấn đề bức xúc của vùng, nhất là phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, giáo dục - đào tạo và dạy nghề...

Ba là, tranh thủ đầu tư từ Trung ương kết hợp với huy động đầu tư toàn xã hội, lồng ghép các chương trình, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong đầu tư phát triển.

Bốn là, sự chỉ đạo kiên quyết, có trọng tâm, trọng điểm của Chính phủ, các bộ, ban, ngành trung ương kết hợp với sự năng động, sáng tạo của các địa phương. Phát huy vai trò là đầu mối phối hợp chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc, tham mưu, đề xuất tăng cường các hoạt động liên kết vùng của Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020



Thành phố Bạc Liêu xanh, sạch, đẹp

1. Dự báo tình hình giai đoạn 2011-2020

- Trong những năm tới, vùng đồng bằng sông Cửu Long có nhiều thuận lợi và cơ hội để phát triển nhanh hiệu quả và bền vững. Kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 21 -NQ/TW đã tạo cơ sở và kinh nghiệm để cả vùng tận dụng tiềm năng cho sự phát triển.

- Bên cạnh những thuận lợi, tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực cũng có tác động mạnh, tạo ra những khó khăn, thách thức mới trong phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của vùng.

2. Mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng kinh tế trọng điểm, năng động của cả nước.



- Phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Phấn đấu tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 12%/năm (2011 - 2015 đạt 11 - 12%/năm; giai đoạn 2015-2020 đạt 12% - 13%/năm).

- Phát triển kinh tế đi liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư.

- Giữ vững ổn định về chính trị - xã hội, bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh. Bảo vệ môi trường.

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Tập trung khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, phát triển một cách toàn diện các khu vực đồng bằng, ven biển, chú trọng phát triển mạnh kinh tế biển.

3.2. Tập trung đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ cao làm nền tảng để phát triển toàn diện kinh tế nông thôn; bảo đảm an ninh lương thực cho quốc gia và cho xuất khẩu. Xây dựng và phát triển mô hình làng, xã theo tiêu chí nông thôn mới.

3.3. Tiếp tục đầu tư thoả đáng cho xây dựng kết cấu hạ tầng. Ưu tiên cho hệ thống giao thông huyết mạch liên vùng về giao thông bộ, đường thủy, hàng không và hệ thống các cảng biển.

3.4. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển của vùng, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển mạng lưới y tế, nhất là tại cơ sở.

3.5. Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách liên quan đến lĩnh vực dân tộc, tôn giáo trên địa bàn.

3.6. Phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác có kế hoạch, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả tài nguyên.

3.7. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển toàn diện, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của vùng.

3.8. Mở rộng hợp tác, liên kết giữa các tỉnh, thành trong vùng với vùng Đông Nam Bộ, thành phố Hồ Chí Minh và các nước trong khu vực.

3.9. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách riêng, đặc thù cho từng lĩnh vực cụ thể trong vùng.

3.10. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; sắp xếp, tổ chức, củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền, hệ thống chính trị; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng và người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo.

3.11. Phát triển kinh tế kết hợp với đảm bảo an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh biên giới.

3.12. Đẩy mạnh tiến độ phân giới cắm mốc Việt Nam - Campuchia, tiếp tục thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp với Campuchia và các nước trong khu vực.



Cầu Cần Thơ

V. KẾT LUẬN

Truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc là tài sản vô cùng quý báu của vùng đồng bằng sông Cửu Long, hiện đang được gìn giữ, phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Thực hiện đường lối đối ngoại toàn diện đất nước, vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của mỗi gia đình và mỗi người dân, nhân dân các dân tộc, các tôn giáo trong vùng đồng bằng sông Cửu Long có nhận thức đúng đắn về lịch sử và cội nguồn; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tận dụng tiềm năng và lợi thế, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, mang lại ấm no hạnh phúc cho mỗi gia đình, góp phần làm giàu cho quê hương, đất nước. /.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG - BAN CHỈ ĐẠO TÂY NAM BỘ

PHỤ LỤC
SỐ LIỆU VÙNG TÂY NAM BỘ NĂM 2012

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Toàn vùng
1	Về kinh tế		
-	Tốc độ tăng GDP	%	9,98
-	Tổng GDP (giá 94)	tỷ đồng	196.782
-	Sản lượng lúa	ngàn tấn	24.304
-	Sản lượng thủy sản	ngàn tấn	3.367
+	Trong đó, sản lượng nuôi trồng	ngàn tấn	2.089
-	Tốc độ tăng trưởng GDP theo từng khu vực (giá 94)		
+	Khu vực I	%	5,04
+	Khu vực II	%	15,13
+	Khu vực III	%	14,90
-	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)		
+	Khu vực I	%	38,26
+	Khu vực II	%	25,85
+	Khu vực III	%	35,89
-	GDP bình quân/người	triệu đồng	32,33
-	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	tỷ đồng	194,229
-	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá 94)	tỷ đồng	157,665
-	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và DTDV	tỷ đồng	438,345
-	Thu ngân sách (thu nội địa)	tỷ đồng	31,017
-	Chi ngân sách	tỷ đồng	61,680
-	Kim ngạch xuất khẩu	triệu USD	10,074
-	Kim ngạch nhập khẩu	triệu USD	4,200

2	Về văn hóa xã hội		
-	Số lao động được giải quyết việc làm	người	304.000
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	40,15
-	Tỷ lệ hộ dùng điện	%	97,8
-	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	14
-	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	7,04
-	Số hộ cận nghèo	hộ	286.780
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%	10
-	Số hộ nghèo	hộ	412.023
3	Về xây dựng hệ thống chính trị		
-	Tổng số đảng viên của vùng	người	460.429
-	Đảng viên người DTTS	người	13.000
-	Đảng viên người Khmer	người	12.000
-	Số đảng viên kết nạp mới năm 2012	người	31.057
-	Cán bộ, công chức là người DTTS	người	12.131
-	Tổng số cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã	người	66.862

Giấy phép số: 105/GP - STTTT, do Sở Thông tin và Truyền thông TP. Cần Thơ cấp ngày 18/02/2013.
Số lượng 10.000 bản, khổ 14,5 x 20 cm, tại Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ, số 500 (r19) đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ